TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số:31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 5 năm 2021
V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh
- *Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Lai
- Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 312/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGD ngày 01/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: Ông và bà TH tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2009 ngày 10/6/2009. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà TH thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, nhiều người đến nhà đòi nợ làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng kình cãi, xúc phạm nhau. Ông T khuyên bảo vợ nhưng được một thời gian đến năm 2017, bà TH tiếp tục chơi cờ bạc, tự ý lấy tài sản tiết kiệm của vợ chồng đem tiêu xài cá nhân. Bản thân ông phải lo trang trải kinh tế gia đình, nuôi con ăn học. Ông T đã nhiều lần cho bà TH cơ hội để sửa đổi nhưng bà TH vẫn không thay đổi. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng. Ông T không còn tình cảm với bà TH nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông bà có 02 con chung là Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 10/3/2010 và Lê Thị Mỹ H sinh ngày 06/02/2012. Các cháu khỏe

mạnh bình thường, không có nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu bà TH cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị TH không có ý kiến bằng văn bản theo T báo thụ lý vụ án của Tòa án và được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt theo giấy triệu tập làm việc, T báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Theo biên bản xác minh ngày 21/12/2020 tại Công an xã T, bà Nguyễn Thị TH có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa và đang sinh sống, có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị TH thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà TH đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 20/4/2021, ngày 12/5/2021; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà TH.

[2] Về yêu cầu ly hôn: ông T và bà TH tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2009 ngày 10/6/2009; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa ông T và bà TH phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân bà TH không có trách nhiệm với gia đình, ông T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà TH không thay đổi; từ đó vợ chồng không còn yêu TH và tôn trọng nhau. Ông T xác định vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau và ông không còn tình cảm đối với bà TH. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà TH là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông T được ly hôn với bà TH.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông T và bà TH có hai con chung là cháu Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 10/3/2010 và cháu Lê Thị Mỹ H sinh ngày 06/02/2012. Các cháu phát triển bình thường và đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển toàn diện, ổn định về người trực tiếp

trông nom, chăm sóc; Hội đồng xét xử giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T không yêu cầu bà TH cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bà TH vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Lê Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị TH.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 10/3/2010 và cháu Lê Thị Mỹ H sinh ngày 06/02/2012 cho ông Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lê Văn T không yêu cầu bà Nguyễn Thị TH cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị TH được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: ông Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0008481 ngày 21/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Khánh Hòa;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

Bùi Thị Mỹ Hạnh